

Số: 342-QĐ/TW

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH
ban hành Quy định về chế độ đảng phí

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Căn cứ chế độ đảng phí ban hành tại Quyết định số 09-QĐ/TW, ngày 24-9-2001 của Bộ Chính trị (khóa IX);
- Xét đề nghị của Văn phòng Trung ương Đảng và Ban Tổ chức Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Quy định về chế độ đảng phí thay thế Quy định chế độ đảng phí ban hành tại Quyết định số 09-QĐ/TW, ngày 24-9-2001 của Bộ Chính trị (khóa IX).

Điều 2. Giao Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn, theo dõi thực hiện thống nhất Quy định này trong toàn Đảng.

Điều 3. Các cấp ủy đảng và đảng viên có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01-4-2011.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Trương Tấn Sang (đã ký)

QUY ĐỊNH
về chế độ đảng phí
(Ban hành kèm theo Quyết định số 342-QĐ/TW,
ngày 28/12/2010 của Bộ Chính trị)

A- QUY ĐỊNH CHUNG

1- Đóng đảng phí là nhiệm vụ của đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng, là vấn đề có tính nguyên tắc và có ý nghĩa chính trị quan trọng. Căn cứ để tính đóng đảng phí của đảng viên là thu nhập hằng tháng của đảng viên.

2- Đảng phí là một nguồn kinh phí hoạt động công tác đảng của tổ chức đảng các cấp; một số cấp ủy được lập quỹ dự trữ từ tiền thu đảng phí; việc sử dụng quỹ dự trữ do cấp ủy quyết định.

3- Quy định về thu, nộp, quản lý và sử dụng đảng phí được thực hiện thống nhất trong toàn Đảng.

B- QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I- Đối tượng và mức đóng đảng phí hằng tháng của đảng viên

Thu nhập hằng tháng của đảng viên để tính đóng đảng phí bao gồm: tiền lương, một số khoản phụ cấp; tiền công; sinh hoạt phí; thu nhập khác. Đảng viên xác định được thu nhập thường xuyên, đóng đảng phí theo tỷ lệ (%) của thu nhập hằng tháng (chưa tính trừ thuế thu nhập cá nhân); đảng viên khó xác định được thu nhập thì quy định mức đóng cụ thể hằng tháng cho từng loại đối tượng.

1- Đảng viên trong các cơ quan hành chính, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị lực lượng vũ trang: đóng đảng phí hằng tháng bằng 1% tiền lương, các khoản phụ cấp; tiền công; sinh hoạt phí.

2- Đảng viên hưởng lương bảo hiểm xã hội: đóng đảng phí hằng tháng bằng 0,5% mức tiền lương bảo hiểm xã hội.

3- Đảng viên làm việc trong các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức kinh tế: đóng đảng phí hằng tháng bằng 1% tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập khác từ quỹ tiền lương của đơn vị.

4- Đảng viên khác ở trong nước (bao gồm đảng viên nông nghiệp, nông thôn, đảng viên là học sinh, sinh viên...): đóng đảng phí từ 2.000 đồng đến 30.000 đồng/tháng. Đối với đảng viên ngoài độ tuổi lao động, mức đóng đảng phí bằng 50% đảng viên trong độ tuổi lao động.

5- Đảng viên sống, học tập, làm việc ở ngoài nước

5.1- Đảng viên làm việc tại các cơ quan đại diện của Việt Nam ở ngoài nước; đảng viên là lưu học sinh theo Hiệp định được nước ngoài tài trợ hoặc được đài thọ từ ngân sách nhà nước đóng đảng phí bằng 1% mức sinh hoạt phí hằng tháng.

5.2- Đảng viên đi du học tự túc; đảng viên đi xuất khẩu lao động; đảng viên đi theo gia đình, đảng viên là thành phần tự do làm ăn sinh sống, mức đóng hằng tháng từ 2 đến 5 USD.

5.3- Đảng viên là chủ hoặc đồng chủ sở hữu các doanh nghiệp, khu thương mại, cửa hàng dịch vụ, mức đóng tối thiểu hằng tháng là 10 USD.

6- Khuyến khích đảng viên thuộc mọi đối tượng trên đây tự nguyện đóng đảng phí cao hơn mức quy định nhưng phải được chi ủy đồng ý.

Đảng viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, nếu có đơn đề nghị miễn hoặc giảm mức đóng đảng phí, chi bộ xem xét, báo cáo lên cấp ủy cơ sở quyết định.

II- Quản lý và sử dụng đảng phí

1- Trích, nộp đảng phí thu được

1.1- Ở trong nước

a) Các chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở được trích để lại từ **30%** đến 50%, nộp 50% đến 70% lên cấp ủy cấp trên.

b) Tổ chức đảng cơ sở ở xã, phường, thị trấn được trích để lại 90%, nộp 10% lên cấp ủy cấp trên.

c) Các tổ chức khác của Đảng được trích để lại **70%**, nộp 30% lên cấp ủy cấp trên.

d) Các cấp trên cơ sở, mỗi cấp được trích để lại **50%**, nộp 50% lên cấp ủy cấp trên.

1.2- Ở ngoài nước

Chi bộ trực thuộc đảng ủy nước ngoài được trích để lại từ 30%, nộp 70% lên cấp ủy cấp trên. Đảng ủy nước sở tại được trích để lại 50%, nộp 50% về Đảng ủy Ngoại nước.

Đảng phí thu được ở ngoài nước nộp 100% về Văn phòng Trung ương Đảng.

1.3- Đảng ủy khối trực thuộc các tỉnh ủy, thành ủy nộp 50% về cơ quan tài chính của các tỉnh ủy, thành ủy. Các đảng ủy khối trực thuộc Trung ương, Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương được trích để lại 50%, nộp 50% về Văn phòng Trung ương Đảng.

2- Quản lý và sử dụng đảng phí

2.1- Đảng phí được trích để lại ở cấp nào được sử dụng cân đối vào nguồn kinh phí hoạt động công tác đảng ở cấp đó. Đối với cấp ủy huyện, quận, thị; tỉnh, thành trực thuộc Trung ương; các Đảng ủy Quân sự Trung ương, Công an Trung ương và cơ quan tài chính đảng ở Trung ương, số thu đảng phí được trích giữ lại không tính vào định mức kinh phí chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị mà được lập quỹ dự trữ của Đảng ở cấp đó; quỹ dự trữ được dùng bổ sung chi hoạt động của cấp ủy, hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các tổ chức đảng trực thuộc có khó khăn; cấp ủy đảng quyết định việc chi tiêu từ quỹ dự trữ.

2.2- Các cấp ủy có trách nhiệm tổng hợp tình hình thu, nộp, sử dụng đảng phí của cấp mình và toàn đảng bộ, lập báo cáo gửi lên cấp ủy cấp trên. Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm tổng hợp tình hình thu, nộp, sử dụng đảng phí của toàn Đảng, báo cáo Ban Chấp hành Trung ương.

C- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Đảng viên đóng đảng phí hằng tháng trực tiếp cho chi bộ, do đồng chí chi ủy viên được giao trách nhiệm thu đảng phí. Chi bộ trực thuộc, đảng bộ bộ phận nộp

đảng phí lên cấp trên theo tháng; các tổ chức cơ sở đảng còn lại nộp và gửi báo cáo lên cấp trên theo quý, trừ một số địa bàn đặc biệt do tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương quy định.

2- Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn cụ thể chế độ thu, quản lý, sử dụng, hạch toán, kế toán và báo cáo đảng phí thực hiện thống nhất trong toàn Đảng.

3- Đảng ủy từ cấp cơ sở trở lên và ủy ban kiểm tra các cấp có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy định về chế độ đảng phí.

4- Quy định này được phổ biến đến mọi cấp ủy đảng, đảng viên.

Những thay đổi cơ bản về chế độ đảng phí

Ngày 24.9.2001, Bộ Chính trị đã ban hành Quyết định số 09-QĐ/TW (gọi tắt là Quyết định 09) để thay thế Nghị quyết 02-NQ/TW, ngày 10.2.1992 về chế độ đảng phí. Quyết định 09 ra đời dựa trên cơ sở của Nghị quyết 02 và có nhiều thay đổi. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện cũng đã có những bất cập, không phù hợp với thực tế, không theo kịp sự thay đổi và phát triển của nền kinh tế - xã hội.

Bởi vậy, ngày 28.12.2010, Bộ Chính trị đã ban hành Quyết định 342-QĐ/TW, (gọi tắt là Quyết định 342) tháo gỡ những bất cập, vướng mắc mà lâu nay nhiều cấp ủy, tổ chức Đảng và đảng viên đã nhiều lần lên tiếng. Những thay đổi cơ bản, đó là:

Về mức đóng đảng phí: Theo Quyết định 09, người hưởng lương BHXH phải đóng 1% như người hưởng lương khác, nhưng theo Quyết định 342, thì đảng viên hưởng lương bảo hiểm xã hội chỉ đóng đảng phí hàng tháng bằng 0,5% mức tiền lương bảo hiểm xã hội. Mặt khác, Quyết định 09 không phân biệt đảng viên trong độ tuổi lao động hay ngoài độ tuổi lao động, tất cả đều đóng đảng phí như nhau, nhưng theo Quyết định 342, thì đối với đảng viên ngoài độ tuổi lao động, mức đóng đảng phí bằng 50% đảng viên trong độ tuổi lao động.

Về quản lý và sử dụng: Theo Quyết định 09, số đảng phí thu được từ các cấp ủy đảng (ở trong nước) là đơn vị dự toán ngân sách Đảng, không tính vào định mức kinh phí chi thường xuyên của đơn vị mà được sử dụng hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các cơ sở Đảng gặp khó khăn. Quyết định 342 có mở rộng hơn, cụ thể hơn, đó là: Đảng phí được trích để lại ở cấp nào được sử dụng cân đối vào nguồn kinh phí hoạt động công tác Đảng ở cấp đó. Đối với cấp ủy huyện, quận, thị, tỉnh, thành trực thuộc Trung ương; các Đảng ủy Quân sự Trung ương, Công an Trung ương và cơ quan tài chính Đảng ở Trung ương, số thu đảng phí được trích giữ lại không tính vào định mức kinh phí chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị mà được lập quỹ dự trữ của Đảng ở cấp đó; quỹ dự trữ được dùng bổ sung chi hoạt động của cấp ủy, hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các tổ chức Đảng trực thuộc có khó khăn; cấp ủy Đảng quyết định việc chi tiêu từ quỹ dự trữ.

Về tổ chức thực hiện: Theo Quyết định 09, chi bộ và tổ chức cơ sở Đảng đều phải nộp đảng phí lên cấp trên hàng tháng, trừ một số địa bàn đặc biệt do các tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương quy định. Còn theo Quyết định 342, chỉ có chi bộ trực thuộc, đảng bộ bộ phận nộp đảng phí lên cấp trên theo tháng; còn các tổ chức cơ sở Đảng còn lại nộp và gửi báo cáo lên cấp trên theo quý, trừ một số địa bàn đặc biệt do tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương quy định.

Có thể nói, Quyết định 342 về chế độ đảng phí mới, có rất nhiều nội dung được thay đổi, thay đổi về mức đóng, về quản lý, sử dụng về tổ chức thực hiện..., nhưng có lẽ thay đổi về thời gian trích nộp đảng phí của tổ chức cơ sở Đảng lên cấp trên là đáng lưu tâm nhất. Vì đó là vấn đề mà lâu nay cấp ủy các cấp, tổ chức cơ sở Đảng luôn có ý kiến đề nghị trong các báo cáo tổng kết, trong các cuộc hội nghị và luôn mong đợi có sự thay đổi sớm nhất.

Quyết định 342 của Bộ Chính trị ra đời là cần thiết để tháo gỡ những bất cập, vướng mắc trong công tác thu đảng phí lâu nay. Tuy nhiên, để thực hiện quyết định này còn phải có hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng. Trước mắt, Quyết định 342 đã tạo ra một không khí phấn khởi trong toàn thể đảng viên, nhất là các tổ chức cơ sở Đảng, vì những mong đợi lâu nay đã trở thành hiện thực và sắp đi vào cuộc sống.